

Bản án số: 36/2023/HS-PT
Ngày 23-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 16 và 23 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 169/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Phan Thành Rìl và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Thành R, sinh năm 1985 tại tỉnh Cà Mau, nơi cư trú: ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành R và bà Nguyễn Thị Co; bị cáo có vợ tên Trịnh Thị Cẩm V và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Đình D, sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau, nơi cư trú: ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình V và bà Lê Hồng H; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng H và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Phan Thành Th, sinh năm 1981 tại tỉnh Cà Mau, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; tạm trú: ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành R và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ tên Đặng Hồng L và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Nguyễn Hoàng S (tên gọi khác: S Tăng), sinh năm 1995 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: ấp D, xã A, thị xã Bến C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học

vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chế L và bà Lê Thị Ngọc Ta; bị cáo có vợ tên Nguyễn Ngọc T và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Trần Văn Đ (tên gọi khác: Đ Độ), sinh năm 1999 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Thạnh H, xã Thạnh L, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị P, bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh H và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Trần Văn H, sinh năm 2002 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị P, bị cáo có vợ tên Phạm Thị Trúc L và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Trần Văn K, sinh năm 1993 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Cao Thị H; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc B (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Võ Ngọc Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Cui (đã chết) và bà Trần Thị Si N; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị B và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/9/2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2001/HS-ST, đã chấp hành xong bản án; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Lê Văn T (tên gọi khác: Hậu), sinh năm 1999 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Vi, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị G, không rõ tên cha; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Nguyễn Chí Qu, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hoà Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thiên H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Trần Văn Ph, sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị P; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 28/01/2016, bị cáo bị Công an huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác theo quyết định số 03/QĐ-XPVPHC; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Lê Đình H1, sinh năm 2001 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 9, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình L (đã chết) và bà Võ Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

13. Huỳnh Hải N (tên gọi khác: Đầu bự), sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Q và bà Lê Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

14. Tống Văn Ngh, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hoá; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 3 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Văn Q và bà Lê Thị D; bị cáo có vợ tên Trần Thị O và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

15. Đỗ Đạt Quốc T2 (tên gọi khác: Nam), sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Trần Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

16. Huỳnh Minh T3 (tên gọi khác: T Titan), sinh ngày 23/4/2002 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tới và bà Huỳnh Thị Hiếu; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

17. Nguyễn Tấn Ng, sinh năm 1998, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo bỏ trốn và đã có quyết định truy nã, vắng mặt

18. Đinh Trần Trung H2 (tên gọi khác: H2 Rio), sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: ấp D, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H và bà Trần Lê Nhựt D; bị cáo có vợ tên Lý Ngọc T (đã ly

hôn năm 2021) và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

19. Nguyễn Phương Q1, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Dương, nơi cư trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tùng P và bà Đinh Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

20. Phùng Quốc V, sinh năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 4, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: ấp An T, xã Phú An, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Gia P và bà Phạm Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

21. Huỳnh Văn N1, sinh năm 1992 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; tạm trú: ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị X; bị cáo có vợ tên Nguyễn Kim P và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

22. Tô Văn Kh, sinh năm 1996 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn S và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị M và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

23. Nguyễn Minh L, sinh năm 2001 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Phước H, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp L, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Kiều Thị Se; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

24. Trần Văn N2, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, tạm trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hoà Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Tống Thị A; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 26 bị cáo khác và 07 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/8/2020, Nguyễn Văn V là công nhân Công ty sơn BAO LY, trụ sở tại xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, đến Công ty YuHong (Hưng

Thịnh Gia), trụ sở tại ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để kiểm tra kỹ thuật sơn. Trong lúc kiểm tra thì V tắt nguồn điện của dây chuyền mà nhóm công nhân do Trương Văn Thư quản lý đang hoạt động nên xảy ra mâu thuẫn với Thư dẫn đến bị nhóm của Thư đánh nhưng do V bỏ chạy được nên không bị thương tích. Lúc này, V về nhà kể lại cho bị cáo Nguyễn Duy K, biết sự việc, sau khi biết sự việc Kha có nói cho Nguyễn Hoàng L, Phan Thành R, Phan Thành Th, Nguyễn Đình D biết. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, thì Nguyễn Hoàng L, Phan Thành R, Phan Thành Th, Nguyễn Đình D, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn V cùng đi đến trước cổng Công ty YuHong hẹn nhóm của Thư nói chuyện giải quyết mâu thuẫn của V để V được tiếp tục đi làm nhưng không gặp được nhóm của Thư nên đi về.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/8/2020, Nguyễn Văn V, Nguyễn Hoàng L, Phan Thành Th, Phan Thành R, Nguyễn Đình D, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn C, Thái Minh T, Phùng Quốc V, và Đông (chưa rõ nhân thân và lai lịch) tập trung uống cà phê tại quán “Tuyệt Anh” thuộc ấp An Thuận, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Trong khi uống nước thì các bị cáo có nói chuyện về việc V bị đánh và hỏi ý kiến V có muốn đánh dẫn mặt nhóm của Thư không thì V đồng ý nên cả nhóm cùng bàn bạc thống nhất cùng đi đến ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để đánh dẫn mặt những đối tượng đã đánh V.

Sau khi thống nhất cùng đi thì các bị cáo bắt đầu kêu thêm người chuẩn bị xe và hung khí như sau:

Nguyễn Văn C gọi điện thoại rủ thêm Tô Văn Kh, Nguyễn Hoàng S. Sau đó C gọi điện thoại cho Nguyễn Trung H, để thuê xe ô tô chở các bị cáo đi đánh nhau thì Hiếu đồng ý, do quen biết nên Hiếu chưa thương lượng giá thuê xe ô tô với C (H điều khiển xe ô tô biển số: 61A – 310.90 để chở các bị cáo đi tham gia đánh nhau), những bị cáo mà C gọi điện thoại thì tiếp tục gọi điện thêm các bị cáo khác như sau:

Sau khi Chung gọi điện thoại cho Tô Văn Kh thì Kh tiếp tục gọi điện rủ thêm Nguyễn Chí Qu. Sau đó thì Qu gọi điện thoại rủ thêm Huỳnh Hải N, khi Qu gọi điện thoại cho N thì Nguyễn Ngọc H đang đứng kế bên nghe sự việc Qu gọi điện thoại rủ N đi đánh nhau thì H cùng N đồng ý hỗ trợ Qu đi đánh nhau. Khi Tô Văn Kh đang trên đường đi từ Quán nhậu 868 thuộc ấp Lò Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đi đến Quán cà phê “Tuyệt Anh” thì Giang (chưa rõ nhân thân và lai lịch) gọi điện thoại cho Kh hỏi đi đâu, sau khi nghe Kh nói đi hỗ trợ Ch đánh nhau thì G kêu Kh đến đón G cùng đi đánh nhau. Khi đến Quán cà phê “Tuyệt Anh” G gọi điện thoại cho Tống Văn Ngh, lúc này G đưa điện thoại cho C nói chuyện với Ngh thì Ch nhờ Ngh thuê giúp 01 xe ô tô để đi đánh nhau, thì Ngh đồng ý, mặc dù Ch chỉ nhờ Ngh thuê xe chứ không cần Ngh đi hỗ trợ đánh nhau nhưng Ngh vẫn đồng ý tham gia hỗ trợ C đi đánh nhau. Sau khi được C nhờ thì Ngh gọi điện thoại cho Ngô Huỳnh Ph, để thuê 01 xe ô tô 16 chỗ đi đến xã An Lập, huyện Dầu Tiếng hai bên thỏa thuận giá là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), sau khi Ngh đồng ý giá thì Ph điều khiển xe ô tô 16 chỗ biển số 61B – 031.38 đi đến Quán nhậu 868 thuộc ấp Lò Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát đón Ngh. Lúc này Ngh đang nhậu tại Quán 868 cùng với Linh (chưa rõ nhân thân và lai lịch) và Võ Ngọc Q, nhìn thấy Ngh đi đánh nhau thì Linh và Q cùng đồng ý đi theo. Ph điều khiển xe ô tô 16 chỗ biển số 61B – 031.38 chở Ngh, Linh và Q đi đến quán cà phê “Tuyệt Anh” để đón thêm người. Tại đây nhìn thấy 03 xe ô tô và có nhiều người ngồi trên các xe ô tô này, lúc này có khoảng 20 người lên xe ô tô 16 chỗ do Ph điều khiển và có nhiều người cầm dao tự chế đi lên xe ô tô thì Ph biết những người đi lên xe ô tô của mình và những xe ô tô khác đi đánh nhau nhưng Ph vẫn đồng ý chở.

Khi C gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng S thì S đang ở Quán nhậu “Hồ Sông Biển” thuộc ấp Lò Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, lúc này Nguyễn Tuấn X, cũng đang có mặt tại đây, S nói với X là Ch gặp chuyện cần hỗ trợ thì X biết là đi đánh nhau và cũng đồng ý đi đến tập hợp cùng C để đi đánh nhau.

Thái Minh T gọi điện thoại rủ thêm Đinh Trần Trung H2, Trần Văn Ph, Nguyễn Tân Ng, Lê Đình H1, những người mà T gọi điện thoại thì tiếp tục gọi điện thoại rủ thêm người khác như sau:

Sau khi T gọi điện thoại cho Đinh Trần Trung H2 thì Đoàn Quốc Kh có biết thông tin trên nhóm Facebook hỏi Hiếu về địa điểm tập hợp mọi người và tự đến tham gia, lúc này H2 đang ở phòng trọ của Trần Văn H nên H2 rủ thêm H thì H đồng ý tham gia đi cùng với H2.

Sau khi T gọi điện thoại cho Trần Văn Ph thì Phước tiếp tục gọi điện thoại rủ thêm Trần Văn Đ, lúc này Đ đang uống cà phê cùng với Huỳnh Minh T3 nên Đ rủ T3 cùng tham gia thì T3 đồng ý, T3 tiếp tục gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Minh L. Sau khi gọi điện thoại xong thì Đ và T3 đi đến quán cà phê “Tuyệt Anh” để tập hợp. Lê Đình H1 gọi điện thoại rủ Huỳnh Văn N1 và khi trên đường đi đến quán cà phê “Tuyệt Anh” thì H1 gặp Nguyễn Phương Q1, lúc này Q1 nghe H1 nói đi công chuyện thì Q1 chạy theo H1, khi đến nơi Q1 biết tập trung đi đánh nhau thì Q1 đồng ý tham gia. Sau khi H1 gọi cho N1 thì N1 tiếp tục gọi điện thoại rủ thêm Lê Văn T và Trần Văn K.

Nguyễn Duy Kha gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng B, nhờ thuê xe ô tô đi đến xã An Lập, huyện Dầu Tiếng đi công chuyện, sau khi thỏa thuận giá 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng), B điều khiển xe ô tô 07 chỗ biển số 61A – 752.03 đi đến Quán cà phê “Tuyệt Anh”, lúc này Kha nhờ B gọi điện thoại thêm 03 xe ô tô nữa, khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày thì có 03 xe ô tô đến quán cà phê “Tuyệt Anh” nhưng 02 xe ô tô bỏ về chỉ còn lại 01 xe ô tô taxi nhãn hiệu Vinasun loại 07 chỗ ngồi biển số 51A – 778.37 do Hoàng Thanh T điều khiển. Tại đây, T gặp B và biết là đi đến ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng với giá 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng). Ban đầu T nghĩ là chở khách đi ăn tiệc, nhưng khi các bị cáo lên các xe ô tô thì nhìn thấy có nhiều bị cáo cầm hung khí thì biết là chở đi đánh nhau nhưng T vẫn đồng ý chở đi, rồi tiếp tục có thêm 01 ô tô loại 05 chỗ và 01 ô tô 16 chỗ có mặt tại đây. Khi chuẩn bị đi thì B nhìn thấy phía trước đầu xe ô tô có người cầm hung khí (dao tự chế) quán trong tám vài đưa lên xe ô tô 05 chỗ thì B nghĩ là chở những người này đi đánh nhau, khi bắt đầu đi thì nghe trên xe ô tô có người nói là “Có hàng gì không” và nhìn thấy những người trên xe chuyện nhau một bình xịt giống bình xịt hơi cay thì Bảnh biết chở những người này đi đánh nhau nhưng Bảnh vẫn đồng ý chở đi.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 16/8/2020, Đỗ Đạt Quốc T2, đang điều khiển xe mô tô đi ngoài đường thuộc ấp Dòng Sỏi, xã An Tây, thị xã Bến Cát thì gặp một đối tượng không rõ lai lịch nói với T2 là “Anh em đụng chuyện gì mà tập trung đông dưới quán “Tuyệt Anh” nên T2 đến khu nhà trọ của Đào Văn Sanh E và Võ VQ, để rủ Sanh E và VQ cùng đi hỗ trợ đánh nhau. Lúc này, tại đây có Kha (bạn của T2 không rõ nhân thân lai lịch), sau đó T2, Sanh E, VQ và K cùng đi hỗ trợ đánh nhau.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 16/8/2020, Vũ Bảo (không rõ nhân thân lai lịch) đến phòng trọ của Phan Nhựt N rủ N đến quán cà phê “Tuyệt Anh”, khi đến quán thì gặp nhiều người khác có mặt tại đây, N hỏi nhóm của C tập trung đi đâu thì mới biết tập trung đi đánh nhau, N đồng ý tham gia.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2020, có đối tượng tên “Gà” (chưa xác định nhân thân lai lịch) gọi điện thoại cho Trần Văn N2 nói Chung đi đánh nhau, đừng chuyện và nhờ N2 đến hỗ trợ, thì N2 đồng ý.

Ngày 16/8/2020, Lục (chưa rõ nhân thân lai lịch) gọi điện thoại cho Phạm Văn Nghi nói Nguyễn Văn C gặp chuyện cần giúp. Lúc này, Nghi đang ở gần quán Hồ Sông Biển thuộc xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy bạn của L đang ở đây nên nhờ chở đến quán cà phê gần Trường học Phú An thuộc xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tại quán cà phê Nghi ngồi chung với Trần Văn H, Trần Văn Đ, Trần Văn Ph và Huỳnh Minh T3 và biết là tập trung đi giúp C thì Nghi biết là tập trung đi đánh nhau nên đồng ý.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 16/8/2020, sau khi tập hợp đủ người, phương tiện và hung khí thì tất cả bắt đầu lên xe đi như sau:

Xe ô tô 05 chỗ biển số 61A – 310.90 do Nguyễn Trung H điều khiển chở: Nguyễn Văn C, Phan Nhựt N, Vũ Bảo (chưa rõ lai lịch), Phong trọc (chưa rõ nhân thân lai lịch) trên xe ô tô có để một số hung khí gồm: 01 gậy kim loại, hình tròn (gậy ba khúc) của N do N tự chuẩn bị; 01 cây rựa có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại (theo lời khai của Phan Nhựt N là của Vũ Bảo) và 01 dao tự chế có cán màu đen, lưỡi bằng kim loại (không rõ của ai chuẩn bị và mang theo).

Xe ô tô 07 chỗ biển số 61A – 752.03 do Nguyễn Hoàng B điều khiển chở: Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Đình D, Nguyễn Tấn Ng, Thái Minh T, Đông (chưa rõ nhân thân lai lịch). Khi đi đánh nhau thì L tự chuẩn bị và mang theo 01 gậy sắt (gậy ba khúc), 01 gậy điện, còn D tự chuẩn bị và mang theo 01 gậy sắt (gậy ba khúc), 01 bình xịt hơi cay. L đưa cho T 01 gậy điện, D đưa bình xịt hơi cay cho Đông, Đông đưa lại cho L bình xịt hơi cay nên L đưa lại cho Đông 01 gậy sắt (gậy ba khúc) còn Ng không mang theo gì.

Xe ô tô taxi 07 chỗ biển số 51A – 778.37 do Hoàng Thanh T điều khiển chở: Trần Văn Đ, Nguyễn Phương Q1, Lê Đình H1, Huỳnh Minh T3, Tô Văn Kh, Nguyễn Minh L, Đoàn Quốc K, Lê Văn T. Khi đi Đ cầm theo 01 con dao tự chế (dao mèo) còn lại Q1, H1, T3, L, Kh và T không mang theo gì.

Xe ô tô 16 chỗ biển số 61B – 031.38 do Ngô Huỳnh Ph điều khiển chở: Nguyễn Hoàng S, Trần Văn H, Tống Văn Ngh, Huỳnh Hải N, Đinh Trần Trung H2, Võ Văn Qu, Võ Ngọc Q, Trần Văn P, Nguyễn Chí Q1, Đào Văn Sanh E, Nguyễn Tuấn X, Trần Văn K, Nguyễn Ngọc H, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Phạm Văn Nghi, Giang (chưa rõ nhân thân lai lịch), Đào Văn S, Linh (chưa rõ nhân thân lai lịch), Nghĩa nhỏ (chưa rõ nhân thân lai lịch), Kha (bạn T2 chưa rõ nhân thân lai lịch). Khi đi thì có một đối tượng (không xác định) đưa cho S 01 gậy sắt (gậy ba khúc) rồi S đưa gậy sắt (gậy ba khúc) cho X, H cầm 01 dao tự chế lấy dưới hàng ghế sau trên xe nhưng không rõ của ai cung cấp. Giang cầm 01 dao tự chế. Còn lại Tống Văn Ngh, Huỳnh Hải N, Đinh Trần Trung H2, Võ Văn Qu, Võ Ngọc Q, Trần Văn P, Nguyễn Chí Qu, Đào Văn Sanh E, Trần Văn K, Nguyễn Ngọc H, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Phạm Văn Nghi không mang theo gì. Còn các đối tượng chưa rõ có mang theo hung khí hay không do chưa làm việc được gồm: Đào Văn Sanh, Nghĩa nhỏ, Kha, Linh.

Phan Thành R điều khiển xe mô tô biển số 61G1- 739.49 chở Nguyễn Văn V, khi đi V cầm theo 01 gậy sắt (gậy ba khúc) còn R không cầm theo gì.

Phan Thành Th điều khiển xe mô tô biển số 61G1 – 481.60 chở Nguyễn Duy K, K và Th không mang theo gì.

Phùng Quốc V mượn của Nguyễn Văn C 01 xe mô tô biển số 61H1 – 0881, rồi điều khiển đi một mình, khi đi V không mang theo gì.

Khi đến ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng thì các xe ô tô và mô tô đậu ngoài đường nhựa, các đối tượng xuống xe đi vào nhà trọ Thành Lộc do ông Thạch Thành L làm chủ (nhà trọ Thành Lộc cạnh Công ty YuHong) đây là khu vực đông dân cư. Khi đi vào trong dãy trọ các đối tượng cầm hung khí gồm có: Nguyễn Đình D và Nguyễn Văn V cầm gậy sắt (gậy ba khúc), Trần Văn H, Giang (chưa rõ nhân thân lai lịch) và Trần Văn Đ cầm dao tự chế, Nguyễn Duy K, Nguyễn Chí Qu, Đỗ Đạt Quốc T2, Đào Văn Sanh E và Nguyễn Hoàng S cầm đá lượm ngoài đường nhựa, (còn S sau khi lượm đá cầm trên tay khi đi vào nhà trọ thì S đã ném đi nên khi vào trong nhà trọ không cầm hung khí gì). Còn đối tượng gồm: Thái Minh T cầm gậy điện, Nguyễn Hoàng L cầm bình xịt hơi cay, Phan Nhựt N cầm gậy sắt, Lê Văn T cầm đá thì chỉ đứng ngoài đường nhựa không đi vào nhà trọ khi xảy ra đánh nhau sẽ tiếp ứng hỗ trợ. Ngoài ra, do nhiều đối tượng vào dãy nhà trọ tìm đối tượng đánh Nguyễn Văn Vững nên có nhiều đối tượng không đi vào chỉ đứng phía trước nhà trọ Thành Lộc và ngoài đường nhựa hoặc ngồi trên xe dự định tiếp ứng hỗ trợ gồm có: Nguyễn Văn C, Phan Thành Th, Nguyễn Trung H, Phan Thành R, Võ Văn Qu, Trần Văn Kh, Tống Văn Ngh, Nguyễn Tuấn X, Huỳnh Văn N1, Lê Đình H1, Nguyễn Phương Q1, Nguyễn Tấn Ng, Phùng Quốc V, Hoàng Thanh T, Ngô Huỳnh Ph, Nguyễn Hoàng B, Trần Văn N2, Phạm Văn Nghi.

Khi đi vào trong dãy nhà trọ, các bị cáo nhìn thấy có nhóm người gồm có: Võ Văn P, Nguyễn Hữu S, Võ Hoàng Q, Trương Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Sang E, Nguyễn Văn P đang nhậu tại khu vực gần phòng trọ số 11. Lúc này, Nguyễn Văn V hỏi những người đang nhậu có biết Trương Văn Thư đang ở đâu, nhưng những người đang nhậu tại đây nói không biết, thì các bị cáo gồm có: Trần Văn P dùng tay đánh trúng một người đang nhậu và tiếp tục dùng tay đập phá bàn nhậu; Đỗ Đạt Quốc T2 thì cầm 02 cục đá ném trúng hai người đang ngồi nhậu; Huỳnh Minh T3 thì lấy 01 cái ghế nhựa tại đây đập phá bàn nhậu. Lúc này Nguyễn Văn P đang đứng nghe điện thoại tại phòng số 11 thì các bị cáo nghĩ là P đang gọi cho người khác đến hỗ trợ nên Trần Văn H có cầm 01 dao tự chế chém vào tay P nhưng P tránh được, thấy vậy Giang (chưa rõ nhân thân lai lịch) cầm 01 dao tự chế đứng phía sau H lao tới chém trúng vào tay phải của P gây thương tích, sau khi thấy P bị chém gây thương tích thì tất cả các đối tượng rút ra xe đi về.

Khi về thì tất cả lên xe như đã đi ban đầu để về, riêng Trần Văn H thì lên xe ô tô taxi biển số 51A – 778.37 để về, quá trình chạy về thì xe ô tô 05 chỗ biển số 61A – 310.90 do Nguyễn Trung Hiếu điều khiển chở các đối tượng gồm: Nguyễn Văn C, Phan Nhựt N, Vũ Bảo (chưa rõ nhân thân lai lịch), Phong trọc (chưa rõ nhân thân lai lịch) bị hư lốp xe thì lúc này xe ô tô 07 chỗ biển số 61A – 752.03 do Nguyễn Hoàng B điều khiển vừa đến đậu lại thì có đối tượng (chưa rõ) lấy số hung khí gồm: 01 cây rựa, 01 dao tự chế, 01 gậy sắt (gậy ba khúc) để qua xe ô tô 61A – 752.03. Khi về đến quán cà phê “Tuyệt Anh” thì Thái Minh T điện thoại cho Hà Thanh Tú, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp Phụng Lợi, thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nhờ cất giữ số hung khí nói trên thì Tú đồng ý. Sau đó, Nguyễn Tấn Ng đem đến gửi tại phòng trọ của Hà Thanh Tú. Đến ngày 25/10/2020 thì Phan Nhựt N đem số hung khí nói trên đến gửi tại phòng trọ của Nguyễn Văn B, sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp Thạnh Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Khi Hoàng Thanh T điều khiển xe ô tô biển số 51A – 778.37 chở các bị cáo từ ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng về thì bị 02 xe mô tô đuổi theo đến một lô cao su thuộc xã An Tây, thị xã Bến Cát thì Tùng dừng xe ô tô lại các bị cáo trên xe bỏ chạy vào lô cao su, Lúc này Công an xã An Tây có mặt tại đây và đưa T và phương tiện về Công an xã để làm việc.

Nguyễn Văn P sau khi bị Giang dùng dao chém gây thương tích thì được đưa đến Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh điều trị.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 1354/CN ngày 29/09/2020 của Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện thương tích của Nguyễn Văn P được chẩn đoán: Vết thương đứt gần lìa đốt giữa ngón IV + Gãy hở chỏm đốt giữa, đứt gân duỗi ngón III, vết thương đứt gần đứt gân duỗi ngón V tay (P).

Ngày 18/8/2020, Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và giám định thương tích.

Ngày 05/9/2020, sau khi các bị cáo cùng góp tiền đưa cho C thì C đã bồi thường cho Nguyễn Văn P số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 28/10/2020, Nguyễn Văn P có đơn xin rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và từ chối giám định thương tích đề ngày 18/8/2020.

Ngày 17/8/2020, Ban lãnh đạo ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng có đơn kiến nghị yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng xử lý các đối tượng gây rối trật tự công cộng tại ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng vào ngày 16/8/2020 trước pháp luật.

Sau khi vụ việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã tiến hành điều tra, xác minh và thu giữ các loại hung khí như sau:

Ngày 16/8/2020, quá trình làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Hoàng Thanh Tùng đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 dao kim loại, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu đen trắng xanh, bị cong mũi.

Ngày 30/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành làm việc với Nguyễn Đình D thu giữ các hung khí gồm: 01 bình xịt bằng kim loại, màu xanh, nắp nhựa màu đen, nhãn hiệu Nato, 01 gậy kim loại có cán bọc nhựa màu đen (gậy ba khúc), 01 cặp da màu nâu.

Ngày 30/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành làm việc với Nguyễn Hoàng L, thu giữ các hung khí gồm: 01 gậy bắn điện, màu đen, không nhãn hiệu, vỏ nhựa; 01 gậy kim loại hình trụ tròn, cán bọc nhựa màu đen (gậy ba khúc).

Ngày 05/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành làm việc với Nguyễn Văn B và thu giữ số hung khí mà Phan Nhứt N gửi gồm: 01 gậy bằng kim loại, hình trụ tròn, cán bọc nhựa màu đen (gậy ba khúc); 01 cây rựa có cán bằng gỗ dài 38 cm, lưỡi bằng kim loại dài 40 cm; 01 dao tự chế có cán màu đen dài khoảng 29 cm, lưỡi bằng kim loại dài 50 cm.

Ngày 09/11/2020, Nguyễn Văn C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú.

Ngày 02/5/2021, Nguyễn Minh L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú.

Ngày 10/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng có yêu cầu định giá số 268/YC về tài sản bị các đối tượng đập phá gây hư hỏng gồm: 02 bàn

nhựa màu đỏ, dạng hình chữ nhật, có kích thước dài 80cm, rộng 60cm, cao 50cm bị gãy đã qua sử dụng; 01 ghế nhựa màu đỏ bị gãy đã qua sử dụng.

Kết luận định giá số 20/KL-HĐĐG ngày 22/5/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng thì tổng thiệt hại tài sản 02 bàn nhựa màu đỏ, dạng hình chữ nhật, có kích thước dài 80cm, rộng 60cm, cao 50cm bị gãy đã qua sử dụng; 01 ghế nhựa màu đỏ bị gãy đã qua sử dụng là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Ngày 02/8/2021, Trần Văn N2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú.

Ngày 21/9/2021, Hoàng Thanh T giao nộp cho Cơ quan CSĐT số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng), đây là số tiền các bị cáo trả tiền thuê xe ô tô cho Hoàng Thanh Tùng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Thành R, Nguyễn Đình D, Phan Thành Th, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Trần Văn K, Võ Ngọc Q, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn P, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Tống Văn Ngh, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Phùng Quốc V, Huỳnh Văn N1, Tô Văn Kh, Nguyễn Minh L, Trần Văn N2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thành Th 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Thành R 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phùng Quốc V 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Qu 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ha 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đạt Quốc T2 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ph 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T3 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Tô Văn Kh 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Đình H1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hải N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Tống Văn Ngh 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Ngu 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Trần Trung H2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương Q1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Kh 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Thái Minh T 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Đào Văn Sanh E 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Võ Văn Q 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn Nghi 02 năm 02 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 02 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn X 02 năm tù; xử phạt bị cáo Phan Nhật N 02 năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Thanh Tu 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Ngô Huỳnh P 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Đoàn Quốc K 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 13/5/2022, bị cáo Nguyễn Minh L kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 16/5/2022, bị cáo Phan Thành Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 16/5/2022, bị cáo Trần Văn K kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 17/5/2022, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 18/5/2022, bị cáo Nguyễn Đình D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 18/5/2022, các bị cáo Phan Thành R, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn H, Lê Đình H1, Đinh Trần Trung H2, Trần Văn Đ, Huỳnh Văn N1, Nguyễn Phương Q1, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn N2 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 19/5/2022, bị cáo Huỳnh Minh T3, Huỳnh Hải N, Trần Văn P, Đỗ Đạt Quốc T2, Tô Văn Kh, Tống Văn Ngh kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 19/5/2022, bị cáo Võ Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 25/5/2022, bị cáo Nguyễn Tấn Ngu, Phùng Quốc V kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm xác định, do vậy, có căn cứ xác định tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là đúng quy định, vụ án có nhiều người tham gia nhưng mang tính đồng phạm giản đơn.

Việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện qua hai nhóm chính nhóm 01 gồm: Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2 và Huỳnh Minh T3, các bị cáo này có hành vi hung hăng nhất, có sử dụng hung khí là dao tự chế, gây ba khúc, đá xông vào nhà trọ Thành Lộc tìm đánh ông Thư nhưng không gặp. Bị cáo Trần Văn H dùng dao chém ông Nguyễn Văn Ph; bị cáo Trần Văn Ph dùng tay đánh người trong khu trọ (không rõ họ tên người bị đánh). Bị cáo Đỗ Đạt Quốc T2 dùng đá ném người trong khu trọ nhưng không trúng ai, còn Huỳnh Minh T3 dùng ghế nhựa đập phá trong khu trọ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST, ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần hình phạt đối với các bị cáo trên.

Đối với nhóm các bị cáo Phan Thành R, Phan Thành Th, Tống Văn Ngh, Đinh Trần Trung H2, Phùng Quốc V, Huỳnh Văn N1 và Tô Văn Kh, các bị cáo này có hành vi là lôi kéo các bị cáo khác tham gia cùng Nguyễn Văn V tìm đánh ông Trương Văn Thu; khi tham gia thì có thái độ hung hăng, quyết liệt. Mặc dù khi đến hiện trường gây án thì các bị cáo này không trực tiếp dùng hung khí và không tham đánh hay phá phách gì. Bản thân các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm có thái độ thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, nhưng xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành động phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST, ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần

hình phạt đối với các bị cáo Phan Thành R, Phan Thành Th, Tống Văn Ngh, Đinh Trần Trung H1, Phùng Quốc V, Huỳnh Văn N1 và Tô Văn Kh.

Đối với các bị cáo Trần Văn K, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Nguyễn Minh L, Trần Văn N2 và Nguyễn Phương Q1, Viện kiểm sát nhận thấy: Tuy hành vi của các bị cáo dừng lại ở việc được các bị cáo khác lôi kéo và cùng đi đến hiện trường. Khi đến hiện trường gây án thì các bị cáo này không có bất kỳ hành vi nào, không dùng hung khí nào ngoài việc đứng ngoài khu trợ và sẵn sàng tham gia đánh nhau nên cần xử lý nghiêm. Riêng đối với bị cáo Trần Văn K và bị cáo Nguyễn Minh L thực hiện hành vi phạm tội có tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấp nhất, không thực hiện hành vi gì nên đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST, ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần hình phạt, tuyên phạt bị cáo Trần Văn K và Nguyễn Minh L mỗi bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

Giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Trần Văn N2 và Nguyễn Phương Q1.

Bị cáo Võ Ngọc Q có đi đến hiện trường, mặc dù không có bất kỳ hành vi gì nhưng bị cáo có nhân xấu nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q.

Các bị cáo không tự bào chữa, không tham gia tranh luận, trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định; các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Bị cáo Nguyễn Tấn Ng bỏ trốn và đã có quyết định truy nã nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

[3] Về nội dung: khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/8/2020, Nguyễn Văn C cùng với Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Đình D, Thái Minh T, Phan Nhật N, Phan Thành Th, Phan Thành R, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn H, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Duy K, Nguyễn Trung H, Võ Văn Q, Trần Văn K, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Võ Ngọc Q, Nguyễn Tuấn X, Tống Văn Ngh, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Đoàn Quốc Kh, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Đào Văn Sanh E, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh, Phùng Quốc V, Nguyễn Ngọc H, Huỳnh Văn N1, Hoàng Thanh T, Nguyễn Hoàng B, Ngô Huỳnh P, Nguyễn Minh L, Trần Văn N2, Phạm Văn Nghi tụ tập thành đám đông chuẩn bị hung khí, sử dụng nhiều phương tiện (ô tô, mô tô) để di chuyển thành đoàn đến khu vực đông dân cư

thuộc ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với mục đích giải quyết mâu thuẫn cá nhân và gây thương tích cho người khác, gây rối trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại nơi xảy ra vụ việc.

Hành vi của các bị cáo Phan Thành R, Nguyễn Đình D, Phan Thành Th, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Trần Văn Kh, Võ Ngọc Q, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Tống Văn Ngh, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Phùng Quốc V, Huỳnh Văn N1, Tô Văn Kh, Nguyễn Minh L, Trần Văn N2 và các bị cáo khác đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Thành R, Nguyễn Đình D, Phan Thành Th, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Trần Văn Kh, Võ Ngọc Q, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Tống Văn Ngh, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Phùng Quốc V, Huỳnh Văn N1, Tô Văn Kh, Nguyễn Minh L, Trần Văn N2 và các bị cáo khác về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn Ph, mặc dù khi tham gia rầy rỗi, Ph không trực tiếp cầm hung khí tham gia nhưng khi được Tuấn Anh gọi tham gia đánh nhau thì Ph là người tích cực tham gia và đã rủ rê rất nhiều người cùng tham gia, gồm: H, Đ, T titan, S, N1, Kh, N, H2, Q1, K, T, N, G... Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Công an huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo Ph được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn H, khi được rủ tham gia đánh nhau thì H rủ thêm nhiều đối tượng khác cùng tham gia, bản thân H khi tham gia gây rối đã sử dụng dao chém vào cánh cửa hai nhát và chém một nhát trúng ông Ph, xét hành vi của bị cáo H là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo H được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn Đ, khi được Ph rủ tham gia đánh nhau giúp C thì Đ tích cực hưởng ứng và cầm theo dao mèo đi vào trong khu nhà trọ để gây rối, xét hành vi của bị cáo Đ là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo Đ được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Đỗ Đạt Quốc T2, khi có người rủ tham gia đánh nhau giúp C thì T2 tích cực hưởng ứng và rủ thêm Đào Văn Sanh E, Võ Văn Q tham gia, khi đến hiện trường T2 cầm theo hai cục đá ném vào bàn nhậu trong khu trọ rồi chạy ra ngoài, xét hành vi của bị cáo T2 là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo T2 được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Minh T3, khi được rủ tham gia đánh nhau thì T3 nhiệt tình cùng tham gia, bản thân T3 khi tham gia gây rối đã sử dụng đá chọi vào đám đông và đập vào bàn gây náo loạn, xét hành vi của bị cáo T3 là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo T3 được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tấn Ng, sau khi các bị cáo thực hiện hành vi bị cáo Ng là người đưa hung khí đi cất giấu nhằm che giấu tội phạm, xét hành vi của bị cáo Ng là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo Ng được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hoàng S, khi có người rủ đi đánh nhau, S tích cực hưởng ứng và mang theo cây gậy 3 khúc nhưng trên đường đi S không sử dụng mà đưa lại cho X, khi đến hiện trường S có cầm hai cục đá để sẵn sàng đánh nhau, xét hành vi của bị cáo S là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo S được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí Qu, khi Kh rủ Qu đi đánh nhau thì Qu đồng ý và rủ thêm Huỳnh Hải N, khi đi đến nơi Qu cầm 02 cục đá đi vào khu nhà trọ để sẵn sàng đánh nhau, nhưng khi đến cổng thì thấy mọi người ra về nên Qu vứt hai cục đá, xét hành vi của bị cáo Qu là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo Qu được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Nguyễn Đình D, khi được K gọi điện rủ D đến xã An Lập hỗ trợ đánh nhau dẫn mặt người đã đánh V thì D đồng ý và mang theo bình xịt hơi cay, bình xịt này do D mua, nhưng khi đến An Lập thì đưa bình xịt cho L, mặc dù không trực tiếp tham gia đánh nhau nhưng bị cáo D chuẩn bị công cụ phạm tội và sẵn sàng tham gia đánh nhau, xét hành vi của bị cáo D là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo D được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Đinh Trần Trung H2, khi được Tuấn Anh rủ ra quán cà phê bàn chuyện đi đánh nhau thì H2 đồng ý và rủ thêm Trần Văn H, Đoàn Quốc Kh tham gia, mặc dù khi đi H2 không mang theo hung khí gì và không trực tiếp tham gia đánh nhau, nhưng hỗ trợ về tinh thần cho các bị cáo khác, hành vi của bị cáo H2 là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo H2 được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Lê Văn T, khi được N1 rủ đi An Lập tham gia đánh nhau thì T đồng ý, khi đến nơi T cầm hai cục đá đứng đợi sẵn sàng đánh nhau, xét hành vi của bị cáo T là nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo T được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Nguyễn Phương Q1, khi được H1 rủ đi đánh nhau, Q1 đồng ý và lên xe 16 chỗ, khi đến nơi Q1 đứng ngoài cảnh giới cho các bị cáo vào khu nhà trọ gây rối, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Q1.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Lê Đình H1, khi được rủ đi đánh nhau, H1 đồng ý. Mặc dù bị cáo không tham gia đánh nhau nhưng hành vi của bị cáo hỗ trợ về mặt tinh thần cho các bị cáo khác, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H1.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Huỳnh Hải N, khi được Qu rủ đi đánh nhau, N đồng ý. Mặc dù bị cáo không tham gia đánh nhau nhưng hành vi của bị cáo hỗ trợ về mặt tinh thần cho các bị cáo khác, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, được Trung đoàn trưởng Trung đoàn 152, Quân khu 9 tặng Giấy khen nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo N.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Võ Ngọc Q, khi Nghĩ rủ Q đi uống cà phê, tại quán cà phê “Tuyệt Anh” thì C rủ đi đánh nhau, Q đồng đi theo nhưng không mang theo gì và đứng ở ngoài đường không tham gia đánh nhau; tuy nhiên, ngày 11/9/2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2001/HS-ST. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Q.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Phùng Quốc V, khi được L rủ V rủ đi giúp V giải quyết mâu thuẫn, thì V cùng tham gia bàn bạc, rồi cùng đi đến xã An Lập. Mặc dù V không mang theo hung khí gì và đứng ngoài đường không tham gia đánh nhau, bản thân V có tham gia Câu lạc bộ phòng chống tội phạm xã Phú An, thị xã Bến Cát nhưng không ý thức được công việc của mình mà lại cố ý phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo V.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Phan Thành R, tại quán cà phê “Tuyệt Anh” khi nhóm của C bàn bạc việc đi An Lập giải quyết mâu thuẫn, R có mặt nhưng không tham gia bàn bạc, khi được L rủ đi đánh nhau, R đồng ý nhưng không đi chung xe ô tô mà đi xe máy chở V, khi đi R không mang theo gì và đứng ở ngoài đường không tham gia đánh nhau, bị cáo có cha ruột là Phan Thành R là người có công với Nhà nước nên xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Phan Thành Th, do V là bạn của Th nên khi V bị đánh thì Th và một số người khác tìm người đánh V để hòa giải cho V đi làm nhưng không gặp nên ngày 16/8/2020 Th và một số người uống cà phê bàn chuyện đánh dần mặt. Mặc dù không trực tiếp tham gia đánh nhau và bị cáo cung cấp tình tiết có cha ruột là Phan Thành Ruy là người có công với Nhà nước, tuy nhiên bị cáo có vai trò là người bàn bạc, khởi xướng, tham gia trong vụ án tích cực, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 02 tháng tù là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Th.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Huỳnh Văn N, khi được C và Lê Đình H rủ đi đánh nhau thì N1 đồng ý nhưng khi lên xe ô tô thì do say rượu nên N1 ngủ trên xe, không tham gia đánh nhau, không tham gia gây rối, khi tỉnh dậy thì mới biết xe ô tô đã chở về lại quán cà phê “Tuyệt Anh”. Mặc dù bị cáo có tham gia nhóm gây rối nhưng bị cáo không thực hiện bất kỳ hành vi gì, bị cáo có nhân thân tốt nên xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Trần Văn N2, khi có người rủ đi đánh nhau, N2 đồng ý và lên xe 16 chỗ, khi đi N2 không mang theo gì và ngồi trên xe không tham gia đánh nhau, sau đó N2 ra đầu thú, bị cáo có nhân thân tốt tham gia vụ án với vai trò không đáng kể nên xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Tống Văn Ngh, bị cáo Ngh có hành vi giúp bị cáo C thuê xe ô tô chở người đi đánh nhau, bị cáo không trực tiếp tham gia đánh nhau, không tham gia gây rối. Bị cáo có ông nội là Tống Văn C tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng nhiều Huân chương, xét bị cáo tham gia với vai trò không đáng kể nên xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Trần Văn K, khi được N1 rủ đi đánh nhau, K đồng ý, khi đi K không mang theo gì, xét bị cáo tham gia với vai trò không đáng kể nên xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo K.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của Nguyễn Minh L, khi được Lâm rủ đi An Lập tham gia đánh nhau thì L đồng ý, L không mang theo hung khí gì và đứng ngoài đường không tham gia đánh nhau, sau đó L ra đầu thú, xét bị cáo tham gia với vai trò không đáng kể nên xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét các bị cáo Huỳnh Văn N, Trần Văn N2, Tống Văn Ngh, Trần Văn K, Nguyễn Minh L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu, không trực tiếp tham gia gây rối, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có địa chỉ cư trú rõ ràng, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và việc không cách ly các bị cáo N1, N2, Ngh, K, L ra ngoài xã hội không gây nguy hiểm nên áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo N1, N2, Ngh, K, L được hưởng án treo, tạo điều kiện để các bị cáo tự cải tạo, học tập, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phan Thành R sau khi phạm tội thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bị cáo có cha là người có công với Nhà nước, hiện bị cáo có việc làm ổn định, có địa chỉ cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội không gây nguy hiểm nên áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo R được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, học tập, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Phùng Quốc V, Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2, Phan Thành Th và Huỳnh Minh T3 tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Võ Ngọc Q, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh mặc dù không trực tiếp tham gia đánh nhau nhưng hỗ trợ về tinh thần và sẵn sàng tham gia đánh nhau nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Phan Thành Th, Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Võ Ngọc Q, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh, Trần Văn K, Nguyễn Minh L, Phùng Quốc V là phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm giải quyết đối với các bị cáo Phan Thành R, Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Tống Văn Ngh là không phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: kháng cáo của các bị cáo Phan Thành Th, Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Võ Ngọc Q, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh, Phùng Quốc V không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Tống Văn Ngh, Trần Văn K, Nguyễn Minh L, Phan Thành R được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phùng Quốc V, Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Võ Ngọc Q, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh, Phan Thành Th.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo Phùng Quốc V, Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Võ Ngọc Q, Lê Đình H1, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh, Phan Thành Th, như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thành Th 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phùng Quốc V 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hải N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Q 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đạt Quốc T2 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ph 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T3 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Tô Văn Kh 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Đình H1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Ng 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Trần Trung H2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương Q1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Tống Văn Ngh, Trần Văn K, Nguyễn Minh L, Phan Thành R.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Tống Văn Ngh, Trần Văn K, Nguyễn Minh L, Phan Thành R.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

- Xử phạt bị cáo Phan Thành R 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 23/3/2023. Giao bị cáo R cho Ủy ban nhân dân xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã Phú An phải thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N2 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 23/3/2023.

- Xử phạt bị cáo Tống Văn Ngh 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 23/3/2023.

Giao các bị cáo Trần Văn N2, Tống Văn Ngh cho Ủy ban nhân dân xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã An Tây phải thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị

quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 23/3/2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 23/3/2023.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N1 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 23/3/2023.

Giao các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Minh L, Huỳnh Văn N1 cho Ủy ban nhân dân xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã An Tây phải thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phùng Quốc V, Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn Đ, Trần Văn H, Lê Văn T, Nguyễn Chí Qu, Trần Văn Ph, Đỗ Đạt Quốc T2, Huỳnh Minh T3, Võ Ngọc Q, Lê Đình H, Huỳnh Hải N, Nguyễn Tấn Ng, Đinh Trần Trung H2, Nguyễn Phương Q1, Tô Văn Kh, Phan Thành Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Huỳnh Văn N1, Trần Văn N2, Tống Văn Ngh, Trần Văn K, Nguyễn Minh L, Phan Thành R không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1)
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng (48);
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (24);
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, PHT 82.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ